

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 11 - 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hà và bà Lê Thị Thu Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Tạ Phúc T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa: Vắng mặt ông T, bà H (ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà H đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2024, bản tự khai của nguyên đơn ông Tạ Phúc T; lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị H, cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Phúc T và bà Nguyễn Thị H quen biết, tìm hiểu nhau là do bà Tạ Thị N chị gái của ông T giới thiệu. Trước đó, ông T đã kết hôn và sinh được 07 người con chung với bà Phạm Thị V nhưng bà V bị ốm, chết do mắc bệnh Covid 19. Bà H chưa từng lập gia đình nhưng thông cảm với hoàn cảnh của ông T nên đã đồng ý xây dựng gia đình với ông T. Bà H và ông T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2023 tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi cưới, bà H chuyển vào sinh sống cùng với ông T tại

nhà riêng của ông T ở thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến 01/2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Theo ông Tạ Phúc T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông và bà H có nhiều bất đồng quan điểm về việc quản lý kinh tế chung, vợ chồng mới kết hôn nhưng bà H đòi hỏi nhiều ở ông về vấn đề kinh tế, khi ông nhờ con gái mở sổ tiết kiệm tại ngân hàng để gửi tiền tiết kiệm thì bà H dỗi dằn nói tiền tiết kiệm không đưa bà H lại đưa con gái giữ; bà H còn yêu cầu ông chuyển tiền về biếu mẹ đẻ bà H nhưng ông không đồng ý, vì trước đó ông và bà H mới chỉ kết hôn được 03 tháng nhưng ông đã 02 lần biếu tiền mẹ đẻ bà H, mỗi lần biếu 5.000.000 đồng. Ông có động viên bà H, giờ muốn gửi tiền biếu cũng không có số tài khoản để chuyển, chờ khoảng 01 tháng nữa ông sẽ đưa bà H về ăn tết tại nhà mẹ đẻ bà H thì ông sẽ biếu tiền mẹ bà H luôn nhưng bà H không đồng ý, gây mâu thuẫn, chiến tranh lạnh với ông trong khoảng nửa tháng trời không nói chuyện; khi ông T chia đất cho các con là tài sản chung của ông và người vợ trước theo đúng nguyện vọng của vợ ông khi chết, bà H tỏ vẻ không vừa ý và can thiệp không muốn chia nhiều đất cho các con (ông chia cho các con mỗi người 07 m đất mặt, chạy sâu 100 m nhưng bà H chỉ đồng ý cho 70 m chạy sâu) nên vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn và bà H đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam ở. Ông T đã nhiều lần về tận nhà mẹ đẻ bà H xin lỗi, động viên nhưng bà H không chịu về chung sống đoàn tụ cùng ông và còn đi nói xấu ông với mọi người. Nay ông T xác định vợ chồng ông mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay, tình cảm vợ chồng đã không còn và không thể về chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Bà Nguyễn Thị H cho rằng: Vợ chồng bà mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà và ông T có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung hàng ngày, ông T là người sống gia trưởng, không tôn trọng bà, coi bà như kẻ ăn, người làm trong nhà. Ông T là người quản lý kinh tế trong gia đình, không bàn bạc, chia sẻ gì với bà và còn tự ý phân chia, cắt đất cho các con riêng của ông T. Khi bà góp ý, ông T còn có những lời lẽ thiếu tôn trọng bà. Vì thế bà và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà xác định không thể tiếp tục chung sống cùng ông T nên đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam ở. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Nay ông T có đơn khởi kiện ly hôn, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, vợ chồng không thể về chung sống với nhau được nữa nhưng do là người công giáo nên bà không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung, con nuôi, con riêng:

+ Con chung, con nuôi: Ông T và bà H không có con chung và cũng không nhận con nuôi nên Tòa án không phải giải quyết.

+ Con riêng: Bà H không có con riêng; ông T có 07 người con riêng với người vợ trước (bà Phạm Thị V) nhưng các con riêng của ông T đều đã đủ tuổi trưởng thành, tự lập, theo quy định của pháp luật ông T không phải trách nhiệm nuôi dưỡng và cũng không có tranh chấp gì với bà H về vấn đề con riêng của ông T nên Tòa án không phải giải quyết.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải nhưng bà H đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Ông Tạ Phúc T và bà Nguyễn Thị H đều đề nghị xét xử vụ án vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa ông Tạ Phúc T và bà Nguyễn Thị H. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do ông Tạ Phúc T cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Tạ Phúc T và bà Nguyễn Thị H đều đề nghị xét xử vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Tạ Phúc T và bà Nguyễn Thị H là hợp pháp. Ông T và bà H đều xác nhận, vợ chồng ông bà mới chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong việc quản lý kinh tế chung và việc ông T chia cắt đất cho các con riêng của ông T nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Nay ông T có đơn khởi kiện ly hôn, bà H không đồng ý ly hôn nhưng cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể về chung sống với nhau được nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của

ông T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Tạ Phúc T và bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Tạ Phúc T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0001815 ngày 11 tháng 10 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Châu Pha, TX Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thành Nam